

Ngày 20/01/2025

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Bùi Thị Quỳnh Nga
ngabui@phs.vn

MỤC TIÊU MỚI CHO TĂNG TRƯỞNG MỚI

- Tăng trưởng GDP năm 2024 đạt 7.1%, cao hơn một chút so với kỳ vọng 7% của PHS. Đây là mức cao so với 15 năm qua và là điểm sáng so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cùng với đó, lạm phát cả năm đạt 3.6% - duy trì dưới mức mục tiêu đề ra của Chính phủ và Quốc hội đề ra, đảm bảo ổn định kinh tế cả nước.
- Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy chủ yếu bởi khu vực Công nghiệp & Xây dựng và Dịch vụ, trong đó đặc biệt khu vực Dịch vụ đạt mức tăng trưởng trên 8% trong quý 4 - mức cao nhất trong hai năm qua. Sự hồi phục của các ngành Bất động sản và Ngân hàng, Tài chính & Bảo hiểm thể hiện rõ qua từng quý nhờ môi trường kinh doanh được cải thiện và các hỗ trợ từ phía Chính phủ.
- Những diễn biến xung quanh câu chuyện Trump 2.0 sẽ là yếu tố tác động lên hoạt động sản xuất, thương mại và cả đầu tư của Việt Nam trong năm tới. Tuy nhiên, PHS cho rằng Việt Nam vẫn có những thế mạnh riêng biệt của mình để duy trì mức tăng trưởng của các khu vực này ở mức ổn định trong năm 2025.
- Chính phủ xác định rõ mục tiêu đặt đầu tư công làm động lực quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới, lan tỏa tác động đến các ngành công nghiệp phụ trợ, xây dựng và dịch vụ, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng sống, tạo đà phát triển bền vững cho kế hoạch 2025 và 5 năm 2026-2030 của Quốc hội.

GDP Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khởi sắc dần qua từng Quý, đặc biệt ghi nhận mức tăng trưởng ở mức cao nhất trong Quý 4 với mức tăng 7.55% svck năm trước. Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy chính bởi 2 ngành Công nghiệp & xây dựng và Dịch vụ, đặc biệt ngành Dịch vụ đạt mức tăng trưởng trên 8% trong quý 4- cao nhất trong 2 năm qua. Lũy kế cả năm, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 7.09%, là điểm sáng trong khu vực và trên thế giới. Dự kiến trong kịch bản cơ sở, tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng trên 7% trong năm 2025.

CPI năm 2024 tăng 3.63%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong đó, mức tăng giá lớn nhất trong năm đến từ nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống và các mặt hàng do nhà nước quản lý được điều chỉnh giá, bao gồm mức giá bán lẻ điện bình quân, giá dịch vụ y tế, và lương cơ sở. Trong năm 2025, áp lực lạm phát có thể sẽ cao hơn nhưng dự kiến vẫn trong tầm kiểm soát của Chính phủ, tạo dư địa cho Chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Doanh số bán lẻ tiếp tục tăng trưởng tốt trong giai đoạn cuối năm nhờ nhu cầu tiêu dùng tăng cao. Cùng với đó, lượng khách quốc tế đến Việt Nam liên tục duy trì trên 1.7 triệu khách trong 2 tháng liên tiếp đã thúc đẩy các hoạt động du lịch, lưu trú và ăn uống trong nước tiếp tục tăng trưởng. Lũy kế cả năm, tăng trưởng tổng doanh số bán lẻ cả năm đạt 9%, phù hợp với dự báo của PHS từ đầu năm, chủ yếu được hỗ trợ bởi khu vực dịch vụ. Dự kiến trong năm 2025, tăng trưởng bán lẻ nội địa sẽ hồi phục tốt hơn theo đà tăng trưởng của nền kinh tế, theo đó tăng trưởng bán lẻ sẽ tiếp tục tăng 9.5-10% so với năm nay.

IIP Hoạt động sản xuất công nghiệp trong Quý 4 có phần chậm lại so với 2 Quý trước đó. Tuy nhiên, lũy kế cả năm, IIP vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 8.4% so với năm trước – mức cao trong 4 năm trở lại đây nhờ mức nền thấp

năm ngoái và sự hồi phục nhanh của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Trong năm 2025, hoạt động sản xuất trong nước có thể bị ảnh hưởng bởi các vấn đề xung quanh cuộc chiến tranh thương mại. Tuy nhiên, những kỳ vọng về sự tăng trưởng thương mại toàn cầu cùng với lợi thế sẵn có của Việt Nam sẽ vẫn là những yếu tố hỗ trợ cho hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng trong mức 8.5-9.0% cho năm 2025.

Hoạt động xuất nhập khẩu Sự hồi phục của thương mại toàn cầu trong năm 2024 là yếu tố chính đã giúp hoạt động thương mại của Việt Nam đạt kỷ lục mới về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, với 786.3 tỷ USD. Lũy kế cả năm, cán cân thương mại thặng dư 24.77 tỷ USD (2023 thặng dư 28.3 tỷ USD). Mặc dù còn nhiều rủi ro nhưng kỳ vọng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2025 vẫn có thể đạt trên 10%, thấp hơn so với năm 2024 nhưng vẫn là một con số khả quan khi thị trường thương mại toàn cầu dự kiến vẫn sẽ tăng trưởng trên 3% trong năm 2025, nhu cầu trữ hàng của các đối tác dự kiến sẽ thường tăng cao hơn trước các lệnh áp thuế mới của Trump và mối quan hệ ngoại giao thân thiện giữa Việt Nam với Mỹ.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam giảm 3% so với năm ngoái nhưng vẫn ở mức cao trong 5 năm trở lại đây, đặc biệt lượng vốn điều chỉnh tăng thêm và lượng vốn giải ngân vẫn ở mức cao nhất trong 5 năm cho thấy sự tin tưởng của các nhà đầu tư hiện hữu vào thị trường Việt Nam. Trong giai đoạn 2025, tổng vốn đăng ký FDI có thể sẽ giảm hoặc duy trì ở mức này khi các nhà đầu tư nước ngoài thận trọng hơn trong việc đầu tư mới vì dè chừng các chính sách của ông Trump. Tuy nhiên, lượng vốn giải ngân được kỳ vọng vẫn sẽ duy trì quanh 26 tỷ USD trong năm tới khi lượng vốn lũy kế còn hiệu lực còn lớn.

Chi đầu tư công cả năm 2024 chỉ mới đạt hơn 78% kế hoạch đề ra, trong khi đó thu ngân sách nhà nước lần đầu tiên vượt ngưỡng 2 triệu tỷ đồng. Trạng thái ngân sách nhà nước và nợ công của Việt Nam hiện đang rất tích cực sẽ là yếu tố thúc đẩy cho các cam kết đầu tư công của Chính phủ trong năm 2025 và những năm tới.

Bảng 1: Tình hình kinh tế Việt Nam

Chỉ số	ĐVT	2023A	Jul-24	Aug-24	Sep-24	Oct-24	Nov-24	Dec-24
GDP	% YTD YoY	5.1			7.4			7.6
CPI	%YoY	3.3	4.4	3.5	2.6	2.9	2.8	2.9
Bán lẻ	%YTD YoY	9.6	8.7	8.5	8.8	8.5	8.8	9.0
Xuất khẩu	%YoY	-4.5	19.6	15.9	11.1	10.8	10.1	2.8
Nhập khẩu	%YoY	-9.1	25.8	15.6	10	13.2	11.6	18.6
CCTM	Tỷ USD	28.3	2.7	4.1	2.2	2.5	0.96	-2.2
FDI thực hiện	Tỷ USD	23.2	1.7	1.6	3.2	2.2	2.1	3.7
IIP	%YTD YoY	1.5	8.5	8.6	8.6	8.3	8.4	8.4
PMI sản xuất		48.9	54.7	52.4	47.3	51.2	50.8	49.8

Nguồn: PHS tổng hợp

NỘI DUNG

Lạm phát nằm trong tầm kiểm soát của Chính phủ.....	7
Doanh thu bán lẻ hồi phục những tháng cuối năm	9
Hoạt động sản xuất ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm.	11
Xuất nhập khẩu ghi nhận kỷ lục mới.	15
Hoạt động giải ngân đầu tư FDI là điểm sáng.....	19
Chi đầu tư công chạy nước rút các các tháng cuối năm.	22

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam là điểm sáng trong khu vực

Mặc dù tình hình thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường nhưng nền kinh tế toàn cầu đã dần ổn định hơn trong năm 2024. Thương mại hàng hóa được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng và thị trường lao động hồi phục tích cực. Trước bối cảnh đó, tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2024 cũng tiếp tục xu hướng hồi phục rõ nét, tăng trưởng khởi sắc dần qua từng Quý, đặc biệt ghi nhận mức tăng trưởng ở mức cao nhất trong Quý 4 với mức tăng 7.55% svck năm trước. Tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy chính bởi 2 ngành Công nghiệp & xây dựng và Dịch vụ, đặc biệt ngành Dịch vụ đạt mức tăng trưởng trên 8% trong quý 4- cao nhất trong 2 năm qua.

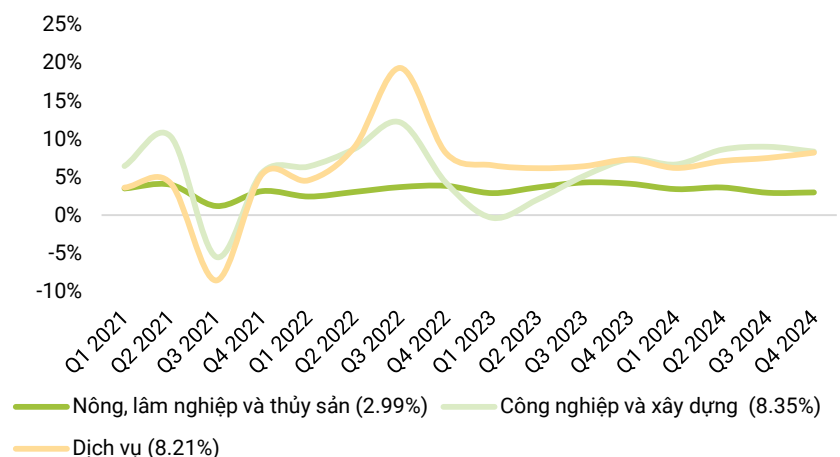
Lũy kế cả năm, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 7.09%, là điểm sáng trong khu vực và trên thế giới trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn khó khăn, nhiều nước vẫn ghi nhận tăng trưởng ở mức thấp.

Hình 1: GDP (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 2: Tăng trưởng GDP theo từng thành phần (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

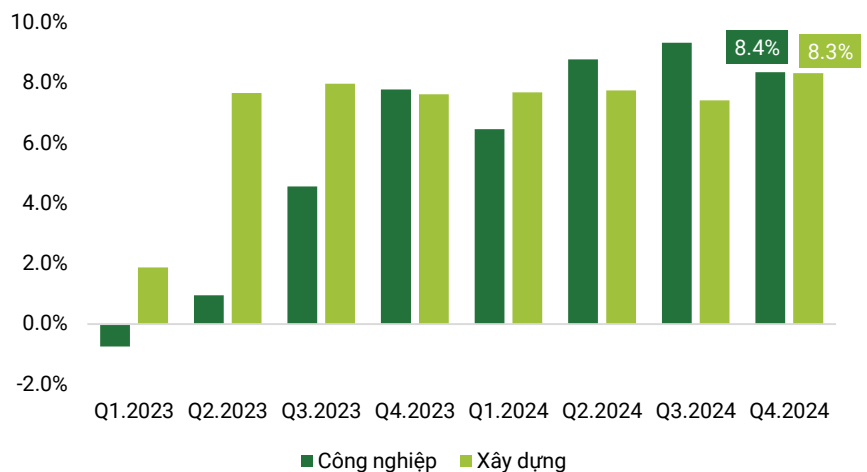
Mặc dù **khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản** bị ảnh hưởng bởi thời tiết không thuận lợi như nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn và ảnh hưởng của bão Yagi nhưng hoạt động sản xuất vẫn giữ được nhịp tăng trưởng ổn định, đạt 3.27% trong năm 2024.

Nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua một năm đầy khó khăn với những bất ổn từ thị trường thế giới cũng như những trở ngại từ các vấn đề trong nước. Do vậy, mức tăng trưởng GDP trên 7% đạt được trong năm qua là một thành tựu đáng ghi nhận, khẳng định sự kiên cường và khả năng thích nghi của nền kinh tế. Thành công này cũng được kỳ vọng sẽ trở thành bàn đạp quan trọng cho tăng trưởng năm 2025, mở ra một giai đoạn phát triển mới với những mục tiêu đầy tham vọng. Theo báo cáo chiến lược 2025 của PHS, trong kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 7%, nhờ động lực chính đến từ giải ngân đầu tư công và sự ổn định từ hoạt động thương mại và sản xuất.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong quý 4 ghi nhận mức tăng trưởng chậm lại so với quý 3, chủ yếu do ảnh hưởng của mức nền cao từ cùng kỳ năm trước và sự suy yếu của hoạt động xuất khẩu trong những tháng cuối năm. Tuy nhiên, lĩnh vực xây dựng lại nổi bật với mức tăng trưởng 8.3% - cao nhất trong hai năm qua, nhờ sự thúc đẩy mạnh mẽ của giải ngân đầu tư công trong giai đoạn này. Bên cạnh đó, hoạt động xây dựng cũng gia tăng tại các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, nhằm khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) và hoàn lưu sau bão tại các tỉnh phía Bắc, cũng như bão số 4 tại các tỉnh miền Trung. Thị trường bất động sản bắt đầu thoát khỏi giai đoạn khó khăn, ghi nhận những chuyển biến tích cực nhờ các nới lỏng pháp lý dần được tháo gỡ, cũng đã tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển của ngành xây dựng trong những tháng cuối năm.

Lũy kế cả năm, tăng trưởng khu vực Công nghiệp và xây dựng đạt 8.24%, mức tăng trưởng vượt bậc kể từ năm 2020 đến nay. Sự kết hợp giữa yếu tố phục hồi nhanh và yếu tố nền thấp của năm trước đã tạo ra mức tăng trưởng cao cho toàn ngành Công nghiệp & xây dựng trong năm 2024.

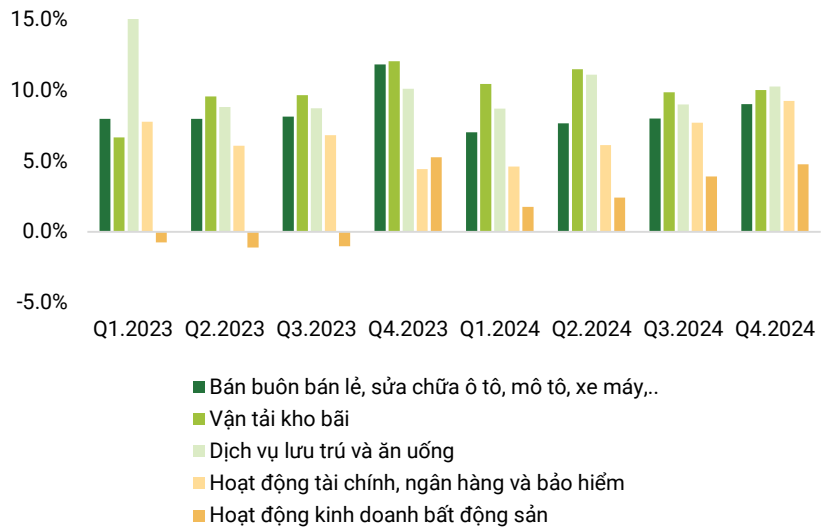
Hình 3: Tăng trưởng của nhóm Công nghiệp và Xây dựng (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Khu vực dịch vụ cũng ghi nhận tăng trưởng tốt, với quý 4 tăng 8.21% và cả năm đạt 7.38% svck năm trước. Đặc biệt, các ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tiếp tục phục hồi mạnh mẽ qua từng quý khi nền kinh tế có nhiều điểm thuận lợi. Hoạt động xuất khẩu tăng trưởng cao, trong khi các doanh nghiệp đã dần khôi phục sản xuất kinh doanh về mức trước đại dịch, và môi trường đầu tư đang ngày càng được cải thiện. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã tích cực chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn liên quan đến thủ tục, cơ chế giãn và hoãn nợ... và thúc đẩy một số lĩnh vực kể cả bất động sản và xây dựng để tạo khởi sắc cho nền kinh tế. Nhờ đó, tăng trưởng của hoạt động kinh doanh bất động sản trong năm 2024 cũng tăng trưởng tốt hơn qua mỗi quý.

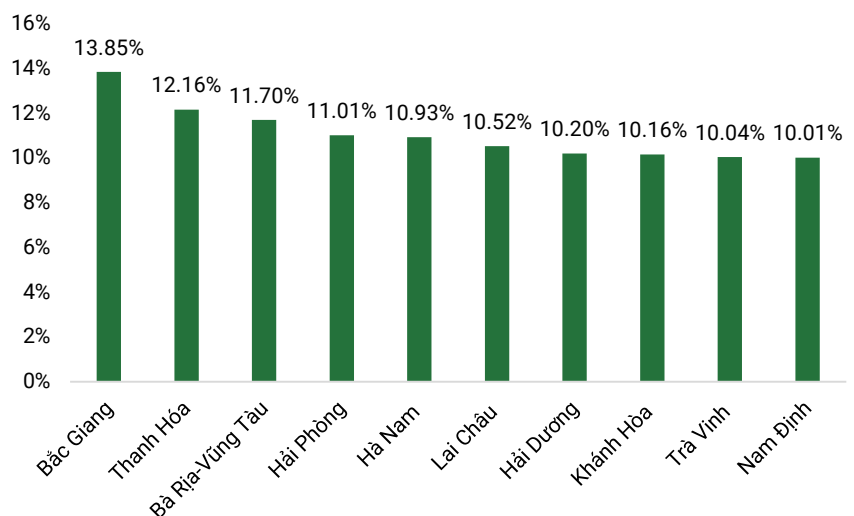
Hình 4: Tăng trưởng các thành phần chính trong nhóm Dịch vụ (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Trong năm 2024, GRDP tại 63/63 tỉnh, thành ghi nhận tăng trưởng, trong đó có 10 địa phương có mức tăng trên 10%. Với mức tăng 13.85%, Bắc Giang hiện là địa phương có tăng trưởng kinh tế GRDP dẫn đầu cả nước. Điều này cũng không quá khó hiểu khi Bắc Giang là một trong những thủ phủ công nghiệp của Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất FDI cũng tập trung nhiều tại phía Bắc Việt Nam khi cơ sở hạ tầng tại phía Bắc phát triển hơn và giá thuê KCN cũng tốt hơn so với phía Nam. Do đó, tốc độ tăng trưởng của các tỉnh thành tại khu vực này cũng ghi nhận mức cao hơn khi hoạt động sản xuất và xuất khẩu hồi phục. 8/10 tỉnh thành phía Bắc nằm trong top 10 tăng trưởng toàn nước. Ở phía Nam, có tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ghi nhận mức tăng trưởng 11.7% so với năm trước – cao nhất trong 10 năm gần đây nhờ vị trí chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm, có điều kiện phát triển các tiềm năng về kinh tế biển, cảng biển quốc tế, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo và du lịch xanh.

Hình 5: Top 10 địa phương có mức tăng GRDP cao nhất cả nước năm 2024



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua một năm đầy khó khăn với những bất ổn từ thị trường thế giới cũng như những trở ngại từ các vấn đề trong nước.

Do vậy, mức tăng trưởng GDP trên 7% đạt được trong năm qua là một thành tựu đáng ghi nhận, khẳng định sự kiên cường và khả năng thích nghi của nền kinh tế. Thành công này cũng được kỳ vọng sẽ trở thành bàn đạp quan trọng cho tăng trưởng năm 2025, mở ra một giai đoạn phát triển mới với những mục tiêu đầy tham vọng. Theo báo cáo chiến lược 2025 của PHS, trong kịch bản cơ sở, chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 7%, nhờ động lực chính đến từ giải ngân đầu tư công. Yếu tố này sẽ thúc đẩy các hoạt động đầu tư tư nhân cũng như đầu tư nước ngoài vào Việt Nam khi cơ sở hạ tầng liên tục được nâng cấp. Bên cạnh đó, sự bền vững của nền kinh tế Mỹ cũng như kỳ vọng về sự hồi phục của nền kinh tế EU sau khi đã chạm đáy, và sự chuyển dịch sản xuất của các doanh nghiệp FDI vào thị trường Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy các hoạt động thương mại và sản xuất tại Việt Nam tiếp tục duy trì tốt trong năm 2025.

Về mặt chính sách, PHS cho rằng việc duy trì chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt (duy trì mặt bằng lãi suất thấp và đầu tư công lớn) sẽ là mục tiêu trong năm 2025 của Chính phủ, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho nền kinh tế trong nước.

Lạm phát nằm trong tầm kiểm soát của Chính phủ.

CPI tháng 12 tăng nhẹ 0.29% so với tháng trước chủ yếu do thời tiết chuyển sang mùa Đông, nên bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân theo đó cũng tăng. Thêm vào đó, mức lương cơ sở tăng cũng đang dần phản ánh vào giá các dịch vụ y tế.

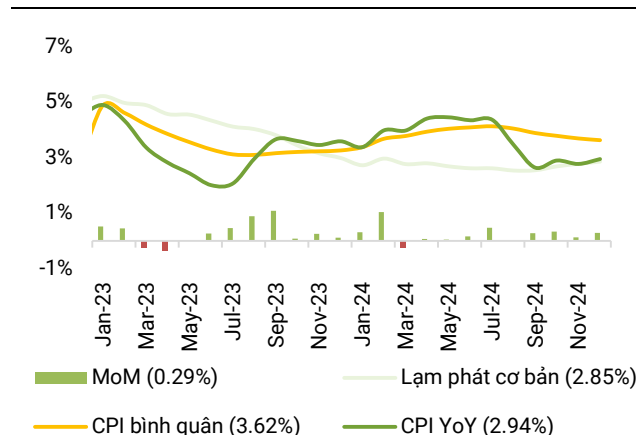
										
-0.04%	0.01%	0.02%	0.10%	0.01%	0.12%	0.05%	0.00%	0.01%	0.01%	0.01%

CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2.87% svck năm trước. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3.63%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Trong đó, mức tăng giá lớn nhất trong năm đến từ nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, với mức tăng 4.03%. Nguyên nhân chủ yếu là do giá gạo nội địa tăng cùng với giá gạo thế giới, nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng mạnh, cùng với chi phí lao động gia tăng. Bên cạnh đó, trong năm 2024, Chính phủ cũng thực hiện hàng loạt các điều chỉnh giá đối với các mặt hàng do nhà nước quản lý, bao gồm mức giá bán lẻ điện bình quân, giá dịch vụ y tế, và lương cơ sở. Ngược lại, nhóm bưu chính viễn thông là nhóm duy nhất ghi nhận mức giảm giá trong năm 2024, với mức giảm 1.02% so với năm 2023. Nguyên nhân chính là do giá các dòng điện thoại thế hệ cũ giảm mạnh khi các doanh nghiệp triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, kích cầu tiêu dùng đối với điện thoại thông minh.

Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2.71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3.63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

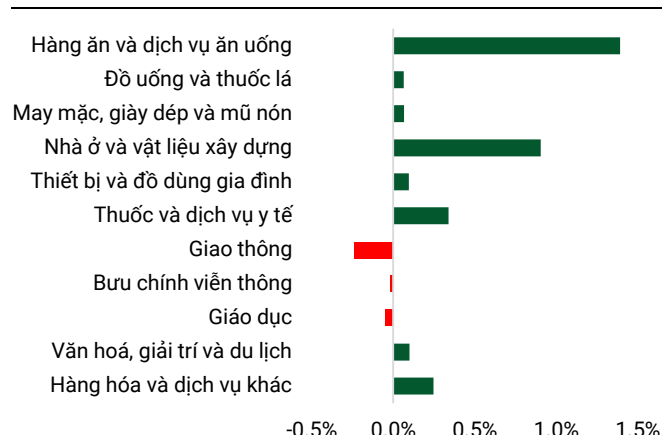
Dù đã đạt được những kết quả tích cực trong năm 2025 nhưng chúng ta áp lực lạm phát năm 2025 vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tuy nhiên, với kinh nghiệm điều hành của Chính phủ Việt Nam trong nhiều năm qua với việc kiểm soát lạm phát luôn dưới mức mục tiêu đề ra, việc giữ cho chỉ số giá tiêu dùng ở mức khoảng dưới 4.5% là hoàn toàn có thể đạt được trong năm 2025. Trong kịch bản cơ sở, lạm phát bình quân của Việt Nam sẽ vẫn duy trì ổn định quanh 3.9%, áp lực lạm phát dự kiến sẽ tăng dần vào giai đoạn cuối năm

Hình 6: Chỉ số CPI theo tháng



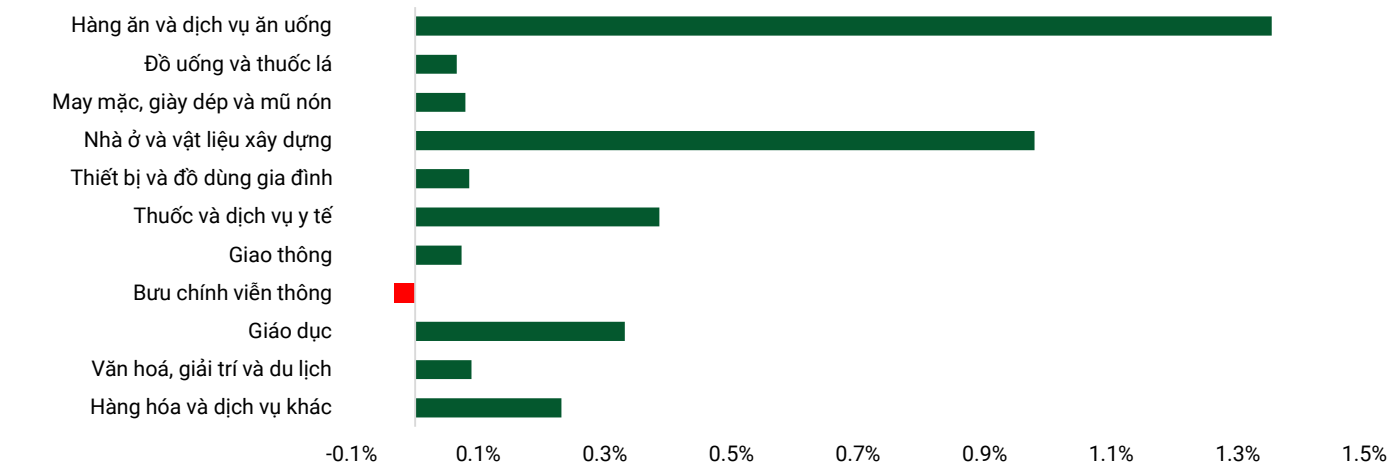
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 7: Biến động chỉ số CPI trong Q4/2024 (YoY).



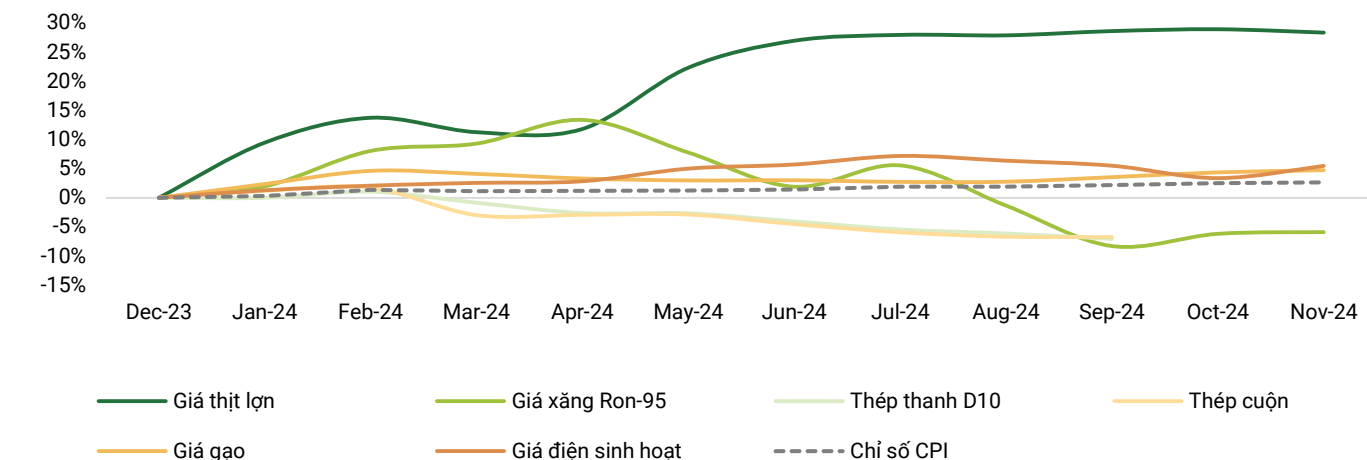
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 8: Biến động chỉ số CPI trong năm 2024 so với năm 2023 theo tỷ trọng (%)

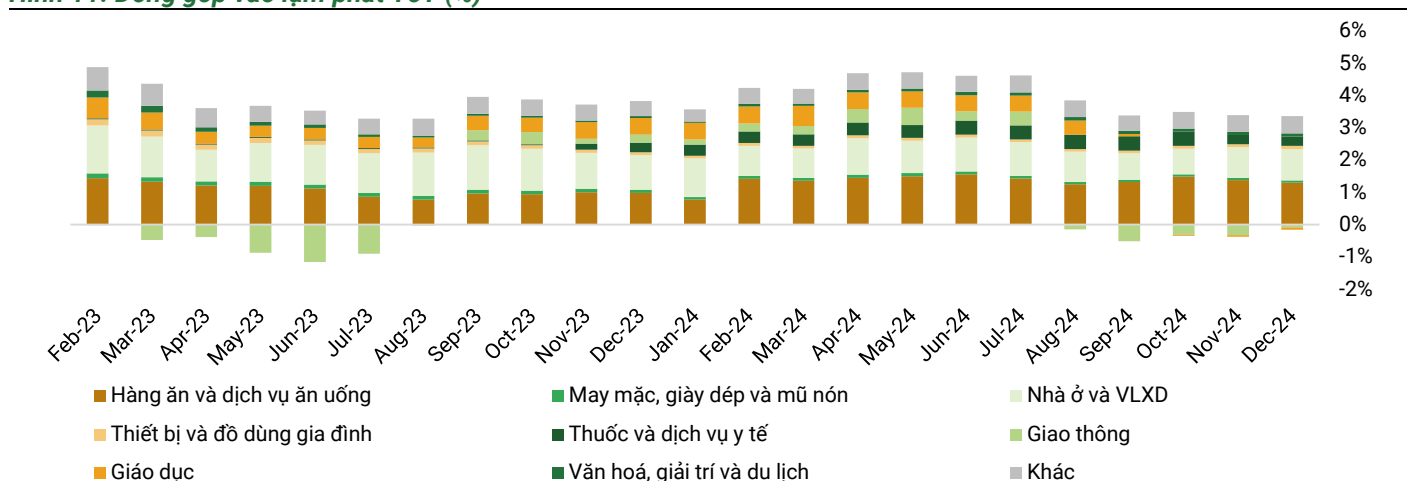


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 10: Biến động giá của các ngành hàng chính trong rổ tính CPI so với thời điểm tháng 12/2023 (%)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 11: Đóng góp vào lạm phát YoY (%)


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Dù đã đạt được những kết quả tích cực trong năm 2025 nhưng áp lực lạm phát năm 2025 vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trên bình diện quốc tế, tình hình xung đột quân sự vẫn đang leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn và các hiện tượng thời tiết cực đoan đều có thể gây đứt gãy chuỗi cung ứng, làm tăng chi phí vận tải, ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa. Ngoài ra, các chính sách thuế khắc nghiệt và bảo hộ thương mại cũng có thể sẽ khiến giá hàng hóa tăng cao hơn. Ở trong nước, việc điều chỉnh giá các mặt hàng do nhà nước quản lý dự kiến vẫn sẽ được diễn ra trong năm 2025 nhưng sẽ theo một lộ trình nhất định, tránh ảnh hưởng mạnh lên biến động giá. PHS cho rằng với kinh nghiệm điều hành của Chính phủ Việt Nam trong nhiều năm qua với việc kiểm soát lạm phát luôn dưới mức mục tiêu đề ra, việc giữ cho chỉ số giá tiêu dùng ở mức khoảng dưới 4.5% là hoàn toàn có thể đạt được trong năm 2025. Trong kịch bản cơ sở, lạm phát bình quân của Việt Nam sẽ vẫn duy trì ổn định quanh 3.9%, áp lực lạm phát dự kiến sẽ tăng dần vào giai đoạn cuối năm.

Doanh thu bán lẻ hồi phục những tháng cuối năm

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12/2024 ước tăng 1.9% so với tháng trước và tăng 9.3% svck năm trước nhờ nhu cầu tiêu dùng cuối năm tăng mạnh. Cùng với đó, lượng khách quốc tế đến Việt Nam cũng duy trì trên 1.7 triệu lượt khách trong tháng 12, thúc đẩy các hoạt động du lịch, lưu trú, ăn uống trong nước cũng tiếp tục tăng trưởng.

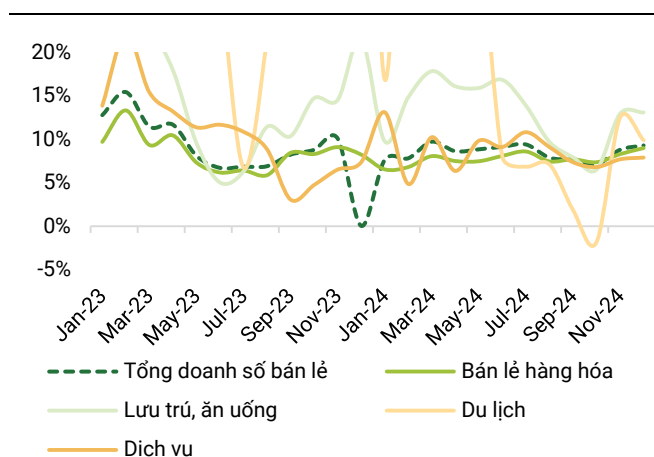
Lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 4.88 triệu lượt trong quý 4, chỉ đứng sau quý 4/2019 kể từ trước đến nay. Trong đó, lượng khách đến từ các thị trường Châu Á chiếm 79% tổng lượng khách quốc tế và ghi nhận mức tăng mạnh nhất, hơn 32% svck năm trước.

Lũy kế cả năm, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt gần 17.6 triệu lượt khách, tăng 39.5% svck năm trước và gần bằng so với năm 2019 - năm hoàng kim của du lịch Việt Nam. Con số này cũng đạt mục tiêu đề ra từ đầu năm của ngành du lịch, cho thấy sự hồi phục gần như hoàn toàn của ngành du lịch Việt Nam trong năm qua. Lượng khách du lịch từ Hàn Quốc đến Việt Nam vẫn là đông nhất, chiếm 26% tổng lượng khách quốc tế Việt Nam, theo sau là khách từ Trung Quốc với 21.3% và từ khu vực Châu Âu là 11.3%. Tuy nhiên, xét về tốc độ tăng trưởng, lượng khách quốc tế từ Trung Quốc lại ghi nhận mức tăng gấp 2 lần svck năm trước, các thị trường còn lại trong top

Hoạt động bán lẻ dự kiến sẽ hồi phục tốt hơn theo đà phục hồi của nền kinh tế trong năm 2025. Cùng với đó, ngành du lịch cũng sẽ phấn đấu đón 22-23 triệu lượt khách quốc tế trong năm tới, tăng 30.6% so với năm 2024 và tiếp tục là một trong những điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam.

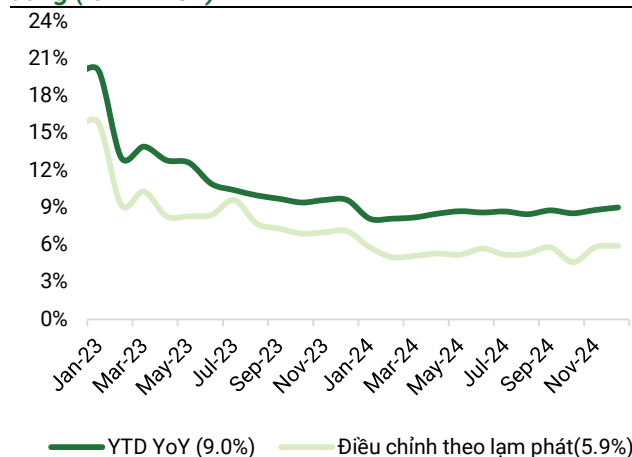
10 tăng trưởng gồm Nga, Italy, Thụy Điển, Pháp, đều là các quốc gia nằm trong danh sách 13 nước được miễn thị thực đơn phương theo chính sách nới lỏng visa của Chính phủ vào tháng 8/2023. Điều này cho thấy những chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho ngành du lịch đang phát huy hiệu quả. Nhờ những thành tựu này mà tăng trưởng của nhóm du lịch lữ hành, lưu trú, ăn uống và các dịch vụ du lịch khác cũng đã ghi nhận mức tăng trưởng trên 2 con số trong năm 2024, góp phần duy trì mức **tăng trưởng tổng doanh số bán lẻ cả năm đạt 9%, phù hợp với dự báo của PHS từ đầu năm**. Đối với riêng doanh thu bán lẻ từ hàng hóa, năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng 8.3% so với năm trước. Trong đó, chủ yếu được dẫn dắt bởi mức tăng của nhóm hàng lương thực, thực phẩm, tăng 10.8 % so với năm ngoái, còn hầu hết các nhóm hàng hóa còn lại vẫn còn ghi nhận tăng trưởng ở mức thấp. Điều này cho thấy người dân trong nước vẫn còn e dè trong việc chi tiêu, thu nhập chưa ổn định cũng khiến người dân chỉ tập trung cho việc mua sắm hàng hóa thiết yếu.

Hình 12: Tổng doanh số bán lẻ (%YoY)



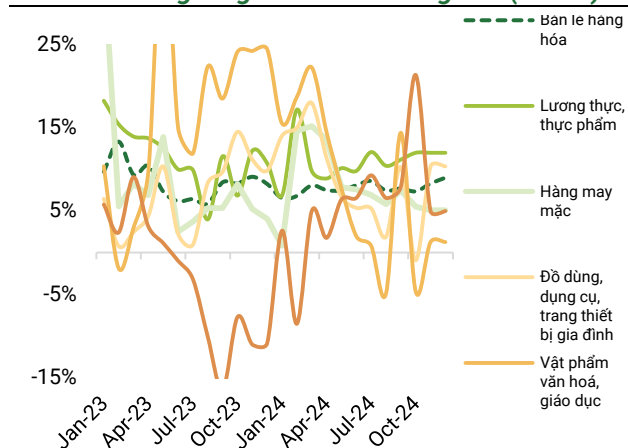
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 13: Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng (%YTD YoY).



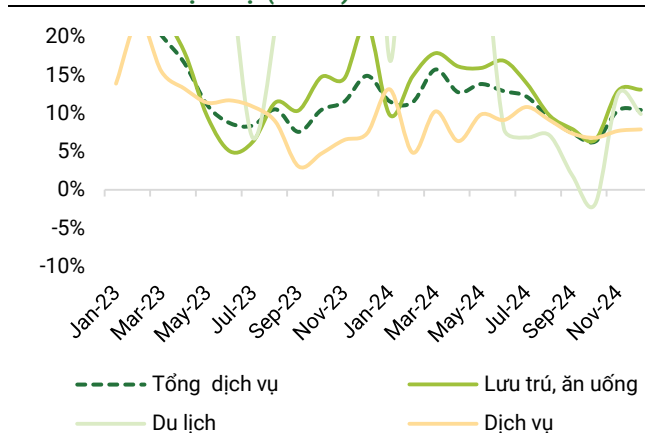
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 14: Tăng trưởng của các nhóm sản phẩm, hàng hóa chính trong tổng mức bán lẻ hàng hóa (% YoY)

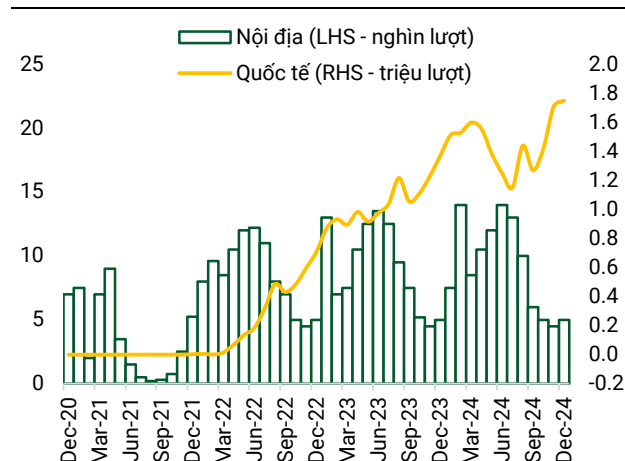


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

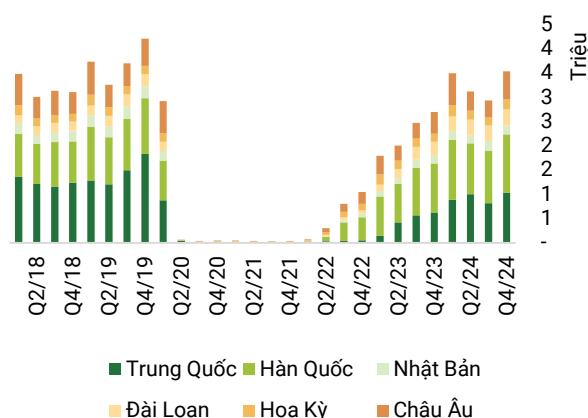
Hình 15: Tăng trưởng của các thành phần chi tiết trong tổng mức bán lẻ từ dịch vụ (%YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 16: Tổng lượt khách du lịch.


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 17: Khách du lịch từ các quốc gia chính (triệu lượt người).


Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

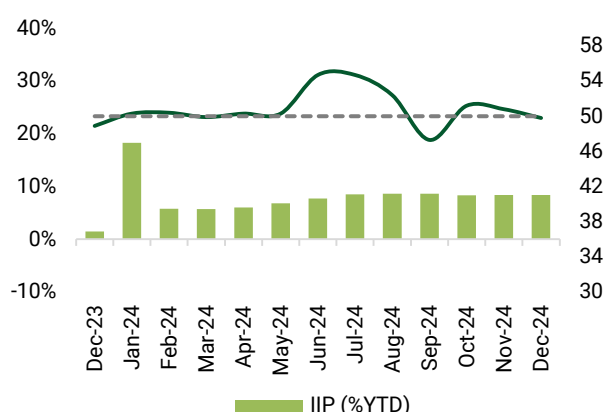
Hoạt động bán lẻ dự kiến sẽ hồi phục tốt hơn theo đà phục hồi của nền kinh tế trong năm 2025. Cùng với đó, ngành du lịch cũng sẽ phấn đấu đón 22-23 triệu lượt khách quốc tế trong năm tới, tăng 30.6% so với năm 2024 và tiếp tục là một trong những điểm sáng trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Trong kịch bản cơ sở, PHS ước tính tăng trưởng bán lẻ năm 2025 sẽ tăng 9.5-10% so với năm 2024.

Hoạt động sản xuất ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm.

Hoạt động sản xuất công nghiệp trong Quý 4 có phần chậm lại so với 2 Quý trước đó, tăng 7.9% so với năm trước (Quý 1: 5.9%, Quý 2: 9.9%, Quý 3: 9.3%). Xu hướng tăng chậm lại trong các tháng cuối năm đến từ 3 yếu tố chính: (1) ảnh hưởng của cơn bão Yagi, (2) hoạt động xuất khẩu chậm lại và (3) nền cao năm ngoái do giai đoạn Quý 4/2023 hoạt động sản xuất trong nước đã có sự hồi phục.

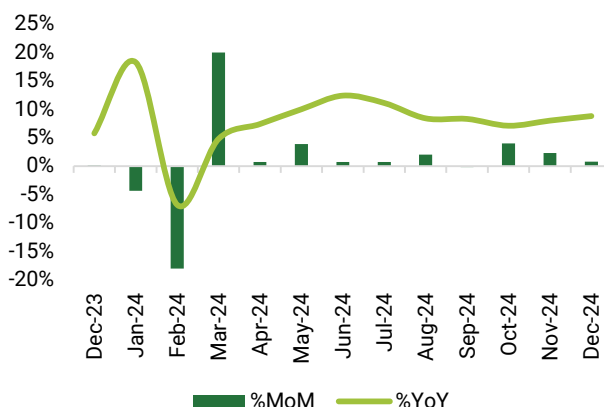
Lũy kế cả năm, IIP vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 8.4% so với năm trước – mức cao trong 4 năm trở lại đây. Trong đó, ngành chế biến chế tạo ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất 9.6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.5%; ngành khai khoáng giảm 6.5%. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp các tháng trong năm 2024 vẫn luôn duy trì tăng trưởng ở mức ổn định. Chỉ số PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong 9/12 tháng.

Hình 18: Tăng trưởng IIP (%YTD) và chỉ số PMI



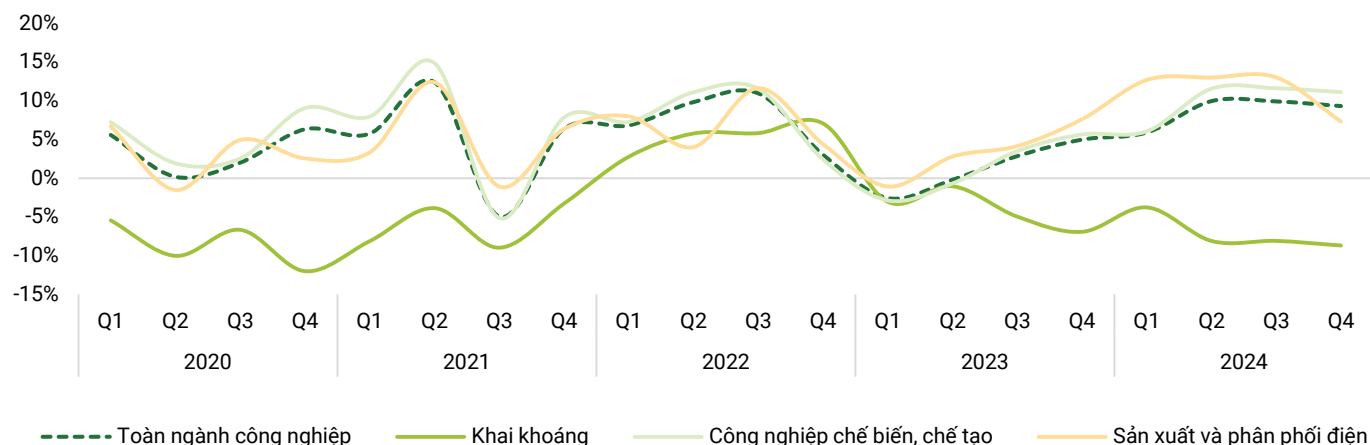
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 19: Tăng trưởng IIP (%MoM và %YoY)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

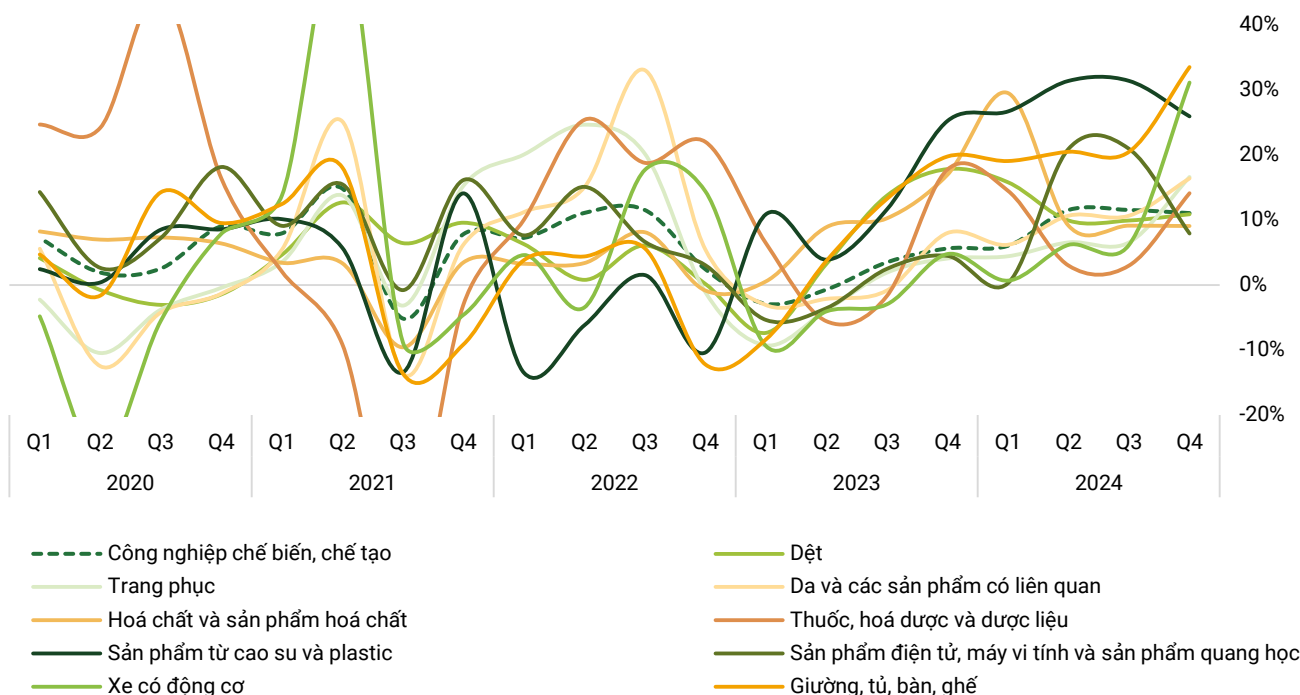
Hình 20: Tăng trưởng IIP theo nhóm ngành (%YoY).



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Chỉ số sản xuất của 30/33 ngành công nghiệp tăng so với năm trước, trong đó, nhiều ngành có chỉ số sản xuất tăng cao trên 10%, gồm: Sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 24.9%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 23.8%; sản xuất xe có động cơ tăng 21.1%, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 13.7%; dệt tăng 12.1%; sản xuất hóa chất, sản phẩm hóa chất và sản xuất thiết bị điện cùng tăng 11.9%; sản xuất trang phục tăng 11.7%. Đặc biệt nổi trội trong Quý 4, chỉ số sản xuất của nhóm xe có động cơ và giường, tủ, bàn, ghế ghi nhận mức tăng mạnh nhất trong Quý và so với các quý trước. Nhu cầu tiêu thụ tăng cao cùng hoạt động xuất khẩu theo nhu cầu quốc tế là động lực thúc đẩy mức tăng trưởng cho 2 nhóm hàng hóa này.

Hình 21: Tăng trưởng IIP theo sản phẩm công nghiệp (%YoY).



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Sản lượng sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp cũng tăng cao trên 10% so với năm trước, bao gồm: Ô tô; thép thanh, thép góc; tivi các loại; đường kính và vải dệt từ sợi tự nhiên,...

Hoạt động sản xuất và kinh doanh ô tô tăng mạnh trong giai đoạn Quý 4, tăng 47.8% so với quý trước và 61.1% svck năm trước. Trong đó, nếu tính luôn xe điện, Vinfast – hãng xe Việt cũng nằm trong top 10 xe bán chạy nhất. Động lực sản xuất và bán xe mạnh mẽ hơn khi hết tháng 11 sẽ là thời điểm kết thúc ưu đãi giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe sản xuất, lắp ráp trong nước. Sự xuất hiện của nhiều dòng sản phẩm mới, hỗ trợ của Chính phủ, tình hình kinh tế chung có nhiều tín hiệu khởi sắc, cũng như chương trình ưu đãi của các nhà sản xuất và đại lý là những yếu tố đã thúc đẩy sức tiêu thụ của ngành ô tô trong năm 2024.

Hoạt động sản xuất thép có phần chậm lại trong giai đoạn quý 4 nhưng lũy kế cả năm, mức tăng trưởng của các sản phẩm thép vẫn ghi nhận đáng kể (thép thanh, thép góc: 18.7%). Năm 2024 là một năm đánh dấu sự phục hồi về sản lượng của thị trường thép xây dựng Việt Nam, khi sản lượng tiêu thụ ghi nhận mức tăng trưởng tương đối tốt và đạt 15.8% svck, hỗ trợ bởi sự phục hồi của hoạt động xây dựng dân dụng và hạ tầng.

PHS cho rằng hoạt động xuất khẩu thép có thể tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2025, chủ yếu do sự gia tăng của các rào cản thuế quan trên toàn cầu, các biện pháp bảo hộ thương mại từ nhiều quốc gia, cùng với áp lực giảm giá thép thế giới trước làn sóng xuất khẩu thép giá rẻ từ Trung Quốc. Trong nước, gần đây nhất Bộ Công thương cũng đã ra quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với các sản phẩm cáp thép có dự ứng lực từ Malaysia, Thái Lan và Trung Quốc vào Việt Nam nhằm bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Thị trường cũng đang chờ đợi kết quả cuộc điều tra chống bán phá giá đối với các sản phẩm thép dẹt (HRC, tôn mạ) từ Trung Quốc và Ấn Độ, dự kiến sẽ được công bố trong Quý

Hoạt động sản xuất vẫn còn được kỳ vọng nhờ những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế Mỹ, hoạt động thương mại toàn cầu và nhu cầu tiêu dùng nội địa. Do đó, PHS vẫn kỳ vọng tăng trưởng ngành sản xuất công nghiệp sẽ duy trì quanh mức 8.5-9.0% trong năm 2025.

1/2025. Do đó, cho sự phát triển trong dài hạn, ngành thép nói chung và các doanh nghiệp nội địa thép Việt Nam sẽ phải phụ thuộc rất lớn vào khả năng hồi phục của thị trường nội địa trong năm 2025.

Tổng kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may Việt Nam đạt 42.2 tỷ USD, tăng 10.2% so với năm ngoái, là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu hàng dệt may. Thị trường dệt may thế giới bắt đầu hồi phục từ giữa năm khi các NHTW lớn cắt giảm lãi suất điều hành đã giúp cho Việt Nam nhận được nhiều đơn hàng hơn trong năm 2024, thúc đẩy hoạt động sản xuất vải dệt tại Việt Nam tăng gần 17% so với năm ngoái.

Mặc dù ngành công nghiệp sản xuất đạt mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, một số lĩnh vực vẫn ghi nhận mức tăng trưởng thấp hoặc thậm chí suy giảm. Tiêu biểu, ngành sản xuất bia tiếp tục chịu áp lực từ những khó khăn tích lũy trong hai năm qua, khiến tốc độ tăng trưởng liên tục chững lại. Hoạt động sản xuất linh kiện điện thoại cũng đối mặt với thách thức lớn do sự sụt giảm bởi nhu cầu xuất khẩu cũng như tiêu thụ điện thoại thông minh trên toàn cầu.

Bảng 2: 10 sản phẩm công nghiệp chính có sản lượng thực hiện ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2024 (YoY).

	%QoQ			% YoY	%YTD YoY
	Q2-24	Q3-24	Q4-24		
Ô tô	7.38%	14.29%	47.79%	61.06%	26.99%
Thép thanh, thép góc	14.37%	64.05%	-19.68%	6.64%	18.70%
Tivi	3.58%	22.62%	15.91%	64.99%	18.58%
Vải dệt từ sợi tự nhiên	30.59%	42.61%	13.02%	19.48%	16.70%
Đường kính	-55.40%	-76.50%	296.27%	39.71%	16.67%
Xăng, dầu	17.04%	9.70%	-11.67%	3.92%	14.01%
Thép cán	23.85%	21.43%	-7.38%	6.87%	13.83%
Phân hỗn hợp N.P.K	30.90%	-21.91%	7.16%	10.38%	10.98%
Sữa bột	8.47%	0.05%	3.93%	8.95%	10.95%
Thuỷ hải sản chế biến	9.37%	41.36%	0.61%	10.54%	10.41%

Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

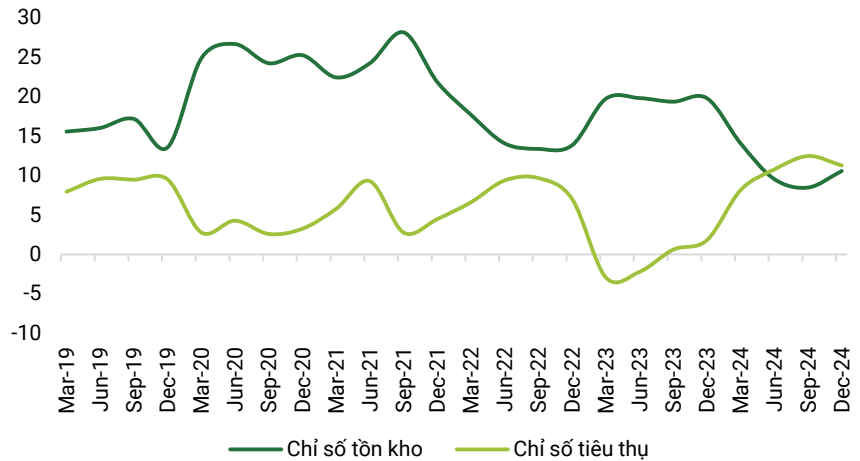
Bảng 3: 10 sản phẩm công nghiệp chính có sản lượng thực hiện ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất trong năm 2024 (YoY).

	%QoQ			% YoY	%YTD YoY
	Q2-24	Q3-24	Q4-24		
Thức ăn cho gia súc	1.36%	29.35%	3.75%	5.34%	6.09%
Nước máy thương phẩm	8.08%	3.55%	-0.15%	5.48%	5.23%
Linh kiện điện thoại	-6.38%	44.65%	11.19%	-3.89%	3.55%
Xi măng	14.24%	39.22%	14.48%	10.44%	3.52%
Sữa tươi	9.61%	10.03%	4.16%	1.82%	2.73%
Sắt, thép thô	11.00%	11.55%	-12.00%	3.67%	1.80%
Thức ăn cho thủy sản	16.40%	13.30%	-0.14%	3.62%	0.78%

Alumin	3.12%	1.36%	1.74%	3.84%	-0.94%
Bia	10.83%	-3.09%	6.76%	4.99%	-0.95%
Điện thoại di động	-10.93%	18.70%	5.29%	1.36%	-4.21%

Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 22: Chỉ số tồn kho và tiêu thụ cuối năm 2024 (%).



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Chỉ số tiêu thụ năm 2024 tăng 11.3% so với năm trước, chỉ số tồn kho tại thời điểm 31/12/2024 ước tăng 10.6% so cùng thời điểm năm trước. Sản lượng tiêu thụ tăng cao hơn sản lượng sản xuất dẫn đến sản lượng tồn kho có xu hướng giảm. Chỉ số tồn kho cuối năm 2024 cũng thấp hơn nhiều so với chỉ số tồn kho cùng thời điểm năm 2023 (tăng 19.8%). Điều này phần nào cho thấy những tín hiệu tích cực trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, phần nào nhờ vào mức nền thấp của năm 2023 (2023:+1.3%). Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng trong các tháng cuối năm 2024 đã có dấu hiệu chậm lại, do cùng kỳ năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp đã bắt đầu phục hồi. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong giai đoạn này cũng cho thấy sự suy giảm về triển vọng so với thời điểm trước đó, gây nên những lo lắng về các tác động của những cuộc chiến tranh thương mại sắp tới sẽ tác động lên hoạt động sản xuất của Việt Nam. Dù vậy, chúng tôi cho rằng các yếu tố tích cực vẫn còn, đặc biệt là từ khu vực nội địa, dữ liệu kinh tế Mỹ ổn định, kỳ vọng về tăng trưởng của hoạt động thương mại toàn cầu, cùng với xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng quốc tế, được dự báo sẽ tiếp tục là động lực chính thúc đẩy sản xuất công nghiệp trong năm 2025. Do đó, PHS vẫn kỳ vọng tăng trưởng ngành sản xuất công nghiệp năm tới sẽ duy trì quanh mức 8.5-9.0%.

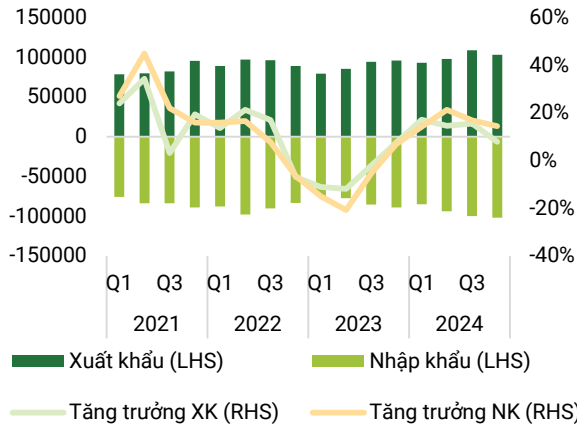
Xuất nhập khẩu ghi nhận kỷ lục mới.

Sự hồi phục của thương mại toàn cầu trong năm 2024 là yếu tố chính đã giúp hoạt động thương mại của Việt Nam đạt kỷ lục mới về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, với 786.3 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3%; nhập khẩu đạt 380.76 tỷ USD, tăng 15.8%.

Riêng trong giai đoạn quý 4, hoạt động xuất khẩu có phần yếu đi, một phần do nhu cầu quốc tế chậm lại khi họ đã nhập đủ lượng hàng cho mùa lễ hội trước đó, một phần do số lượng ngày nghỉ lễ dài trong giai đoạn cuối tháng

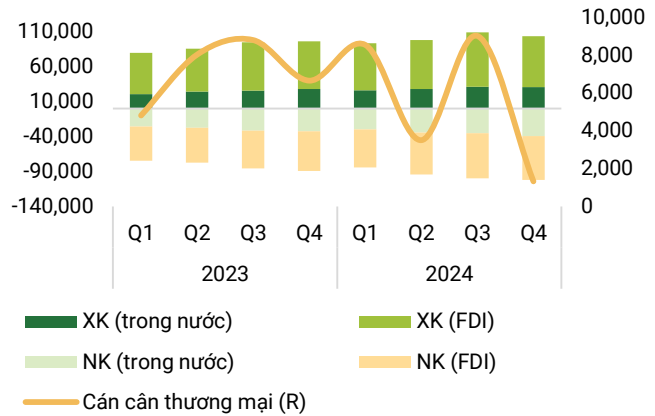
12 tác động đến các vấn đề thông thương. Tuy nhiên, ngược lại với xuất khẩu, nhu cầu nhập khẩu vẫn diễn biến tích cực với giá trị kim ngạch tăng liên tục qua hàng quý, đặc biệt là các mặt hàng nguyên vật liệu sản xuất. Điều này cho thấy niềm tin của các nhà sản xuất vào tình hình thương mại trong giai đoạn tới vẫn tốt.

Hình 23: Kim ngạch Xuất - nhập khẩu hàng hóa hàng tháng (triệu USD)



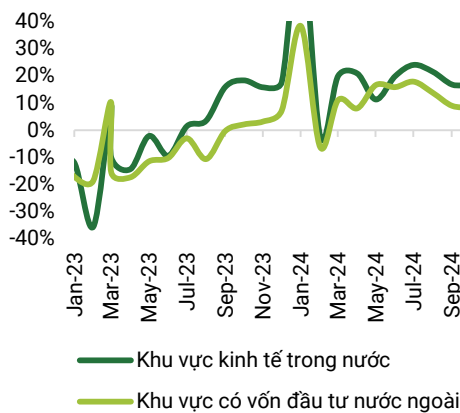
Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 24: Hoạt động XNK trong nước và FDI (triệu USD)



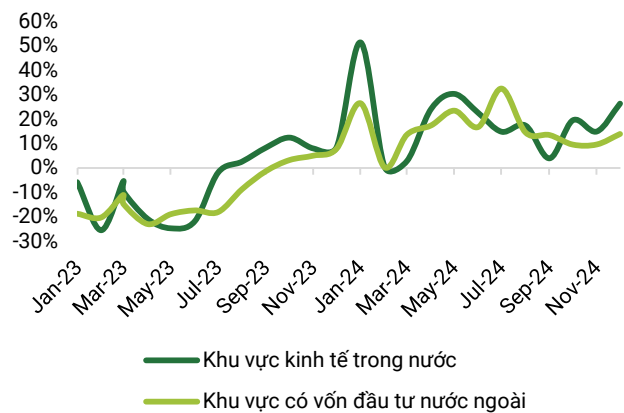
Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 25: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng tháng theo khu vực (%YoY)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 26: Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng tháng theo khu vực (%YoY)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Bảng 4: Tình hình thương mại 2024.

YTD	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Thặng dư/thâm hụt
	(Triệu USD)	% YoY	(Triệu USD)	%YoY	(Triệu USD)
Tổng	405,532	14.34%	380,764	15.83%	24,768
FDI	289,205	12.44%	240,650	14.39%	48,555
Trong nước	116,327	19.35%	140,114	19.44%	-23,787

Nguồn: Cutsom, PHS tổng hợp

Đối với dự báo tăng trưởng thương mại năm 2025, PHS vẫn kỳ vọng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu có thể đạt trên 10%, thấp hơn so với năm 2024 nhưng vẫn là một con số khả quan khi thị trường thương mại toàn cầu dự kiến vẫn sẽ tăng trưởng trên 3% trong năm 2025, nhu cầu trữ hàng của các đối tác dự kiến sẽ thường tăng cao hơn trước các lệnh áp thuế mới của Trump và mối quan hệ ngoại giao thân thiện giữa Việt Nam với Mỹ

Lũy kế cả năm, cán cân thương mại thặng dư 24.77 tỷ USD (2023 thặng dư 28.3 tỷ USD). Trong đó, xuất siêu hàng hóa của khu vực FDI là 48.5 tỷ USD. Khu vực kinh tế trong nước nhập siêu hàng hóa 23.8 tỷ USD, trong đó phần xuất siêu 17.9 tỷ USD của ngành nông, lâm, thủy sản đã gánh một phần nhập siêu của khối doanh nghiệp trong nước.

Hoạt động xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện trong năm 2024 vẫn vững vàng giữ vị trí số 1 trong nhóm hàng xuất khẩu của cả nước. So với trị giá xuất khẩu của nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện thì máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đã bỏ xa tới 18.7 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của nhóm Điện thoại các loại & linh kiện cũng thuộc nhóm các sản phẩm có mức tăng trưởng thấp trong năm 2024, đồng thuận với sự sụt giảm trong sản xuất của nhóm sản phẩm này như chúng tôi đã đề cập ở trên. Sự mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp FDI thuộc nhóm vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tại Việt Nam là yếu tố chính đã thúc đẩy hoạt động xuất khẩu của nhóm này. Tuy nhiên, trong các năm tiếp theo, với những đề xuất liên quan thuế quan linh kiện bán dẫn, Việt Nam có thể trở thành một trong những quốc gia bị ảnh hưởng trong cuộc chiến công nghệ giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới

Xuất khẩu ngành **dệt may** của Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn nửa cuối năm 2024. Bất ổn chính trị tại một số thị trường đối thủ, nổi bật là Bangladesh, đã thúc đẩy các khách hàng quốc tế chuyển hướng đơn hàng sang Việt Nam. Nhờ đó, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu dệt may của Việt Nam đạt mức ấn tượng, khoảng trên 10% cho cả năm 2024, vượt xa các đối thủ như Ấn Độ (~7%), Trung Quốc (~2%), và Bangladesh (ghi nhận tăng trưởng âm). Mặc dù có thể bị ảnh hưởng từ các chính sách áp thuế thương mại mới của chính quyền Trump lên hàng dệt may Việt Nam, nhưng PHS vẫn cho rằng ảnh hưởng tiêu cực sẽ không đáng kể. Thực tế, Việt Nam vẫn luôn duy trì được lợi thế cạnh tranh của mình nhờ tốc độ cung ứng hàng hóa nhanh và khả năng đáp ứng các yêu cầu về môi trường tốt hơn so với các đối thủ lớn khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, và Indonesia. Ngoài ra, mức thuế dự kiến áp dụng giữa các nước xuất khẩu chính ngoài Trung Quốc cũng sẽ không có sự chênh lệch quá lớn với nhau sẽ giúp Việt Nam duy trì vị thế vững chắc trên thị trường Mỹ.

Tuy nhiên, việc áp đặt các mức thuế quan mạnh mẽ cũng có thể khiến các ngành xuất khẩu như thủy sản, dệt may, sắn lát, đồ gỗ, thép... phải đối mặt với khó khăn khi nhu cầu từ thị trường Mỹ có thể giảm vì hàng hóa nhập khẩu quá đắt đỏ bởi các mức thuế của Trump. Sự chậm lại trong hoạt động xuất khẩu các tháng cuối năm phần nào phản ánh tình trạng không chắc chắn liên quan đến những kế hoạch của chính quyền sắp tới của Mỹ về thuế quan. Những thông cáo tiếp theo về vấn đề này trong năm mới sẽ giúp làm sáng tỏ bất kỳ ảnh hưởng tiềm tàng nào lên các nhà sản xuất của Việt Nam.

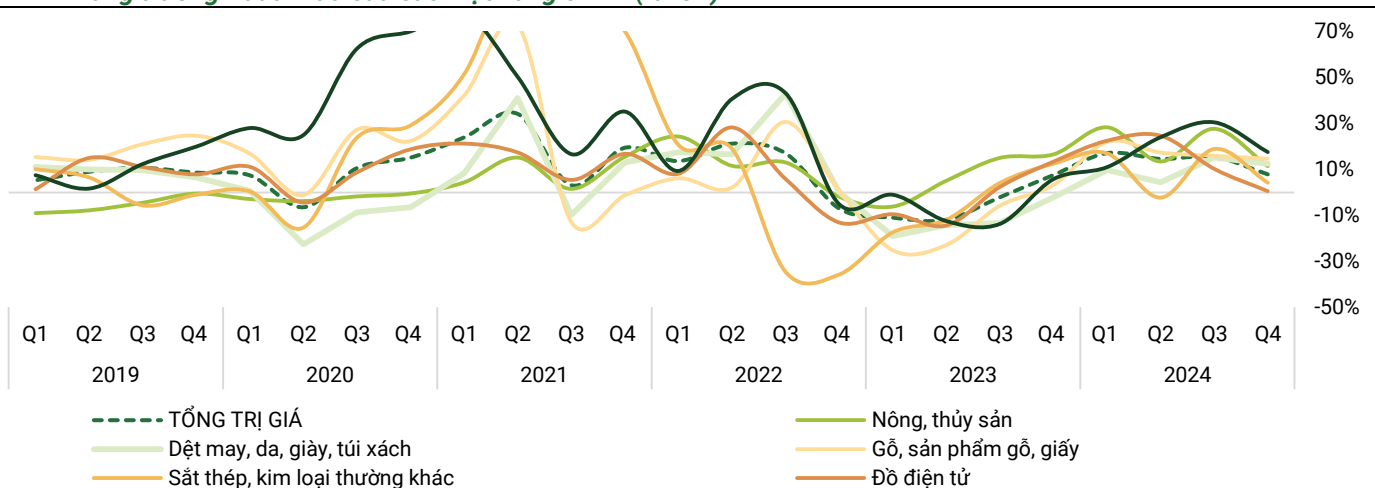
Hai yếu tố có thể giúp Việt Nam vượt qua được giai đoạn khó khăn này là: (1) Trở thành đối tác thân thiện với Mỹ, Mỹ và Việt Nam đã nâng cấp mối quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện và hỗ trợ tham gia các chuỗi thương mại quan trọng như bán dẫn và công nghệ cao; (2) Chủ động giảm thặng dư thương mại với Mỹ thông qua kế hoạch nhập khẩu khí LNG và hợp đồng quân sự, giúp duy trì cân bằng thương mại với Mỹ.

Bảng 5: Top 10 sản phẩm Xuất khẩu trong năm 2024.

	Oct-24 (Triệu USD)	Nov-24 (Triệu USD)	Dec-24 (Triệu USD)	2024	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	5,910	6,561	6,787	72,584	26.6%
Điện thoại các loại & linh kiện	4,573	3,775	2,958	53,892	2.9%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	5,256	4,757	4,352	52,192	21.0%
Hàng dệt may	3,228	3,078	3,029	37,037	11.1%
Giày dép các loại	2,037	2,184	2,058	22,872	13.0%
Gỗ & sản phẩm gỗ	1,537	1,481	1,457	16,282	20.9%
Phương tiện vận tải & phụ tùng	1,464	1,249	1,247	15,067	6.4%
Hàng thủy sản	1,021	918	868	10,040	11.9%
Sắt thép các loại	747	588	578	9,080	8.7%
Sản phẩm từ chất dẻo	603	610	600	6,725	29.8%
Tổng XK	35,983	34,302	32,966	405,532	5.8%

Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 27: Tăng trưởng Xuất khẩu của các mặt hàng chính (%YoY)



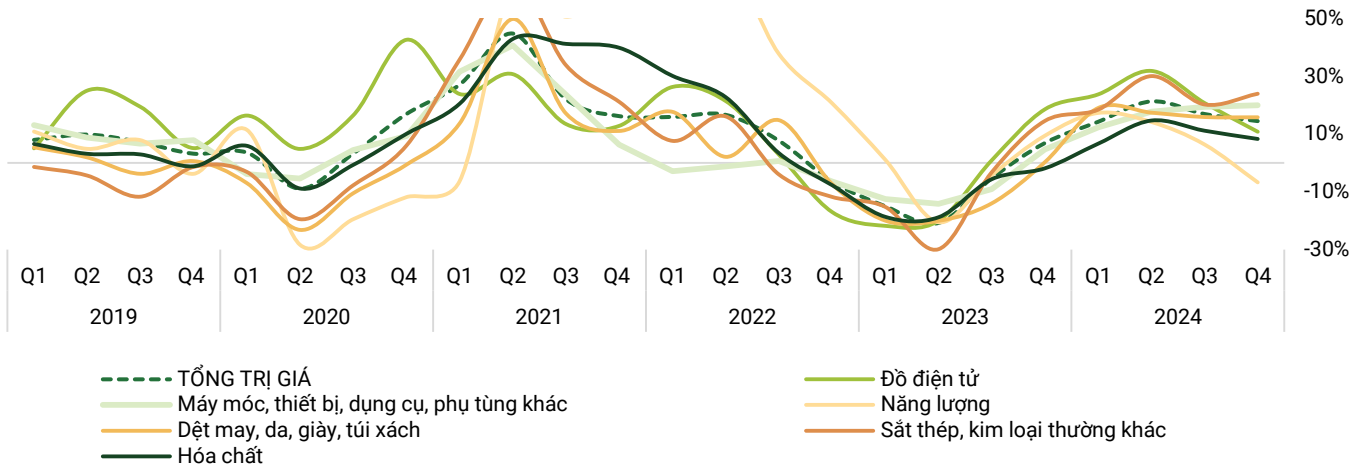
Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Bảng 6: Top 10 sản phẩm Nhập khẩu trong năm 2024.

	Oct-24 (Triệu USD)	Nov-24 (Triệu USD)	Dec-24 (Triệu USD)	2024	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	9,138	9,478	9,322	107,053	21.5%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	4,282	4,509	4,678	48,888	16.9%
Vải	1,324	1,300	1,332	14,905	14.0%
Sắt thép các loại	1,505	1,028	1,078	12,583	20.2%
Chất dẻo nguyên liệu	1,022	1,109	1,177	11,780	18.8%
Điện thoại các loại & linh kiện	1,073	980	974	10,404	16.8%
Kim loại thường khác	813	847	901	9,554	24.1%
Sản phẩm từ chất dẻo	762	822	838	8,854	16.8%
Sản phẩm hóa chất	647	708	708	7,735	0.9%
Ô tô nguyên chiếc	371	380	302	3,618	26.7%
Tổng NK	33,438	33,342	35,141	380,764	15.8%

Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Hình 28: Tăng trưởng Nhập khẩu của các mặt hàng chính (%YoY)



Nguồn: Custom, PHS tổng hợp

Thực tế việc dự đoán chính xác các động thái tiếp theo của Trump trong giai đoạn mới là sẽ rất khó khăn. Tuy nhiên, những tác động mạnh mẽ lên thị trường thương mại toàn cầu là khó có thể tránh khỏi khi Bộ máy chính quyền của Trump đang ngày dần hoàn thiện theo hướng phát triển cho các chính sách mà ông đưa ra trong giai đoạn bầu cử trước đó của mình. Những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam hiện tại chúng ta có thể thấy được là mở rộng mối quan hệ với nhiều đối tác hơn nữa trên toàn cầu, đa dạng về thương mại và đầu tư. Việc giám sát chặt chẽ nguồn nhiên liệu đầu vào để phục vụ cho hàng hóa sản xuất xuất khẩu mặc dù khó khăn nhưng là cần thiết để hàng hóa Việt Nam tránh bị áp thuế từ Mỹ.

Đối với dự báo tăng trưởng thương mại năm 2025, PHS vẫn kỳ vọng tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu có thể đạt trên 10%, thấp hơn so với năm 2024 nhưng vẫn là một con số khả quan khi thị trường thương mại toàn cầu dự kiến vẫn sẽ tăng trưởng trên 3% trong năm 2025, nhu cầu trữ hàng của các đối tác dự kiến sẽ thường tăng cao hơn trước các lệnh áp thuế mới của Trump và mối quan hệ ngoại giao thân thiện giữa Việt Nam với Mỹ.

Hoạt động giải ngân đầu tư FDI là điểm sáng.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 đạt 38.23 tỷ USD, giảm 3% so với năm ngoái. Trong đó vốn đăng ký cấp mới đạt 19.7 tỷ USD, giảm 7.6%; vốn điều chỉnh tăng thêm đạt gần 14 tỷ, tăng 50.4%; góp vốn, mua cổ phần đạt 4.5 tỷ USD, giảm 48.1%. Mặc dù tổng vốn đăng ký năm 2025 giảm so với năm 2024 nhưng vẫn ở mức cao trong 5 năm trở lại đây, đặc biệt lượng vốn điều chỉnh tăng thêm và vốn giải ngân vẫn ở mức cao nhất trong 5 năm cho thấy sự tin tưởng của các nhà đầu tư hiện hữu vào thị trường Việt Nam.

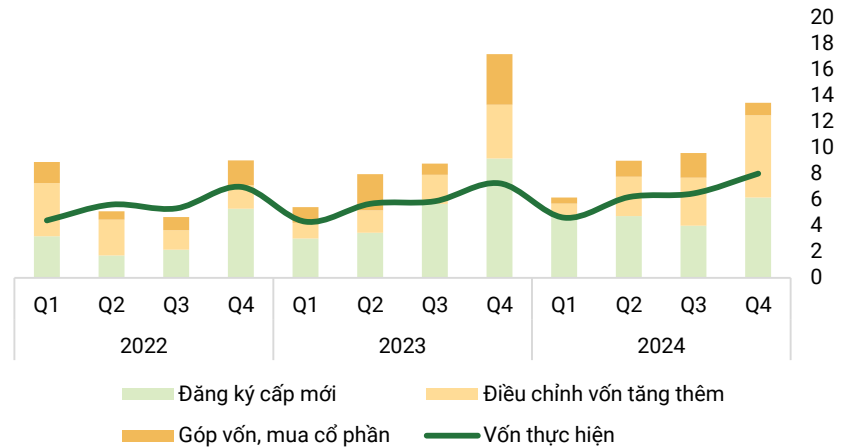
Về đối tác đầu tư, năm 2024 có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 10.2 tỷ USD, chiếm 26.7% tổng vốn, tăng 31.4% so với năm 2023. Hàn Quốc đứng thứ hai, tiếp theo là Trung Quốc và Hồng Kông.

Trong năm 2024, hàng loạt tập đoàn lớn đã đầu tư vào Việt Nam như: Tập đoàn công nghệ Amkor đầu tư 1.07 tỷ USD, Tập đoàn LG đầu tư 1 tỷ USD, Tập đoàn Hyosung đầu tư 700 triệu USD vào Dự án nhà máy sợi sinh học

Tổng vốn đăng ký FDI vào Việt Nam trong năm 2025 dự kiến chậm lại, thậm chí tiếp tục xu hướng giảm của năm 2024. Tuy nhiên, với lượng vốn giải ngân, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng quanh 26 tỷ USD cho năm 2025.

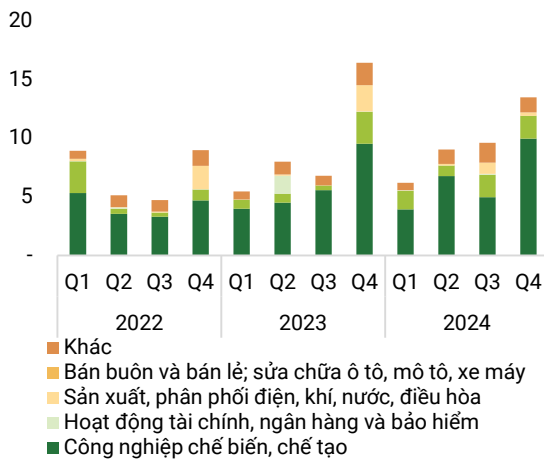
Bio-BDO (Butanediol), Tập đoàn Talway đầu tư 700 triệu USD, Capital Land đầu tư 661 triệu USD, Foxconn đầu tư 551 triệu USD vào Dự án về sản phẩm giải trí thông minh và thiết bị hệ thống thông minh,... Bên cạnh đó, hàng chục đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến thăm và hứa hẹn sẽ đầu tư vào Việt Nam.

Hình 29: Tổng vốn đăng ký nước ngoài và vốn thực hiện hàng tháng (tỷ USD).



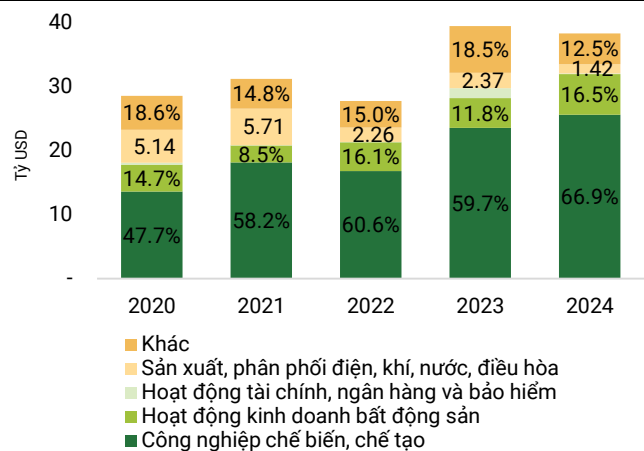
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 30: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo lĩnh vực (tỷ USD).

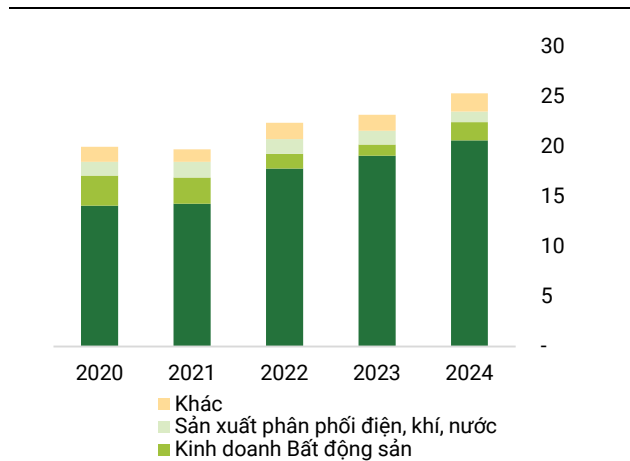


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

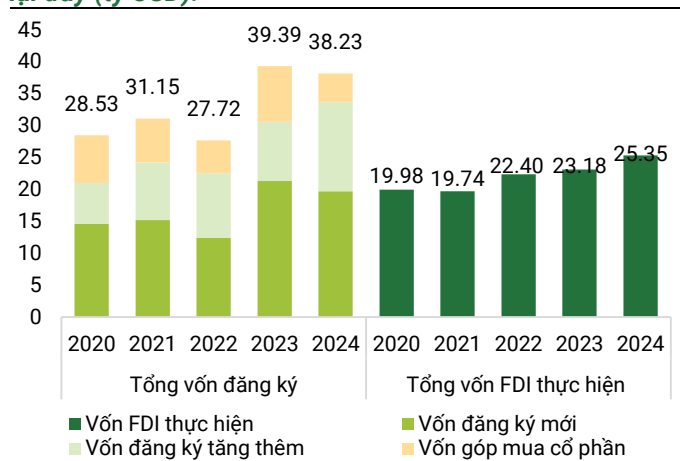
Hình 31: Tổng vốn đăng ký theo lĩnh vực từ 2021-2024.



Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hình 32: Vốn thực hiện theo từng lĩnh vực (tỷ USD).


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Hình 33: Tổng vốn đăng ký và thực hiện trong 5 năm trở lại đây (tỷ USD).


Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Bảng 7: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo địa phương (triệu USD).

	2024	%YTD YoY
Bắc Ninh	5,115	183.78%
Hải Phòng	4,941	42.45%
TP. Hồ Chí Minh	3,041	-49.42%
Quảng Ninh	2,872	-10.24%
Hà Nội	2,161	-26.66%
Bình Dương	1,949	19.64%
Đồng Nai	1,880	8.64%
Nghệ An	1,750	8.76%
Bà Rịa - Vũng Tàu	1,712	-11.59%
Hung Yên	1,596	55.92%

Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Bảng 8: Tổng vốn đăng ký đầu tư nước ngoài theo đối tác đầu tư (triệu USD).

	2024	% YTD YoY
Singapore	10,207	31.43%
Hàn Quốc	7,057	37.54%
Trung Quốc	4,732	3.14%
Hồng Kông	4,348	-9.55%
Nhật Bản	3,502	-48.14%
Đài Loan	2,085	-29.53%
Cayman Islands	1,231	445.68%
Samoa	856	-22.29%
Thổ Nhĩ Kỳ	763	315.66%
BritishVirginIslands	586	117.27%

Nguồn: MPI, PHS tổng hợp

Bảng 9: Các dự án lớn năm 2024.

Quốc gia đầu tư	Lĩnh vực	Giá trị (Triệu USD)	Tỉnh thành
Hàn Quốc	Sản phẩm sợi sinh học	730	Bà Rịa - Vũng Tàu
Đài Loan	Điện tử	264	Quảng Ninh
Đài Loan	Điện tử	278	Quảng Ninh
Trung Quốc	Pin mặt trời	454	Thái Nguyên
Hong Kong	Điện tử	200	Nghệ An
Hong Kong	Sản phẩm silicon đơn tinh thể	275	Quảng Ninh
Singapore	Đóng gói mạch tích hợp bán dẫn	1,100	Bắc Ninh
Singapore	Bất động sản	700	Hà Nội
Đài Loan	Điện tử	250	Bà Rịa - Vũng Tàu
Đan Mạch	Trang sức	150	Bình Dương
Đài Loan	Linh kiện điện tử	120	Nghệ An

Nguồn: PHS tổng hợp

Đáng chú ý, đối tác quen thuộc của Việt Nam là các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng công bố hàng loạt kế hoạch mở rộng trong năm nay như: Hyosung (Hàn Quốc) đã đầu tư 3.5 tỷ USD vào Việt Nam và dự kiến đầu tư thêm 2 tỷ USD; Samsung dự kiến đầu tư thêm 1 tỷ USD mỗi năm tại Việt Nam. Samsung Display cũng đã ký bản ghi nhớ phát triển dự án màn hình, linh kiện điện tử tại Bắc Ninh trị giá 1.8 tỷ USD.

Mặc dù có nhiều triển vọng về nguồn vốn đầu tư FDI vào Việt Nam nhưng những rủi ro về mặt thuế quan của Mỹ trong thời Donald Trump sẽ là rào cản khiến cho các doanh nghiệp FDI toàn cầu thận trọng về việc đầu tư trong năm 2025. Bên cạnh đó, sự truy xét về nguồn gốc nguyên vật liệu của hàng hóa xuất khẩu cũng sẽ khiến cho dòng dịch chuyển vốn từ các doanh nghiệp sản xuất Trung Quốc (quốc gia đứng thứ 3 trong top 10 các quốc gia đầu tư FDI vào Việt Nam) chậm lại. Thêm vào đó, những phát biểu gần đây của Tổng Bí thư Tô Lâm trong Diễn đàn quốc gia về doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam lần thứ VI cũng cho thấy thấy những yêu cầu về việc thu hút dòng vốn FDI sẽ phải chọn lọc hơn trong thời gian sắp tới. Những yếu tố này sẽ khiến tổng vốn đăng ký FDI vào Việt Nam trong năm 2025 dự kiến chậm lại, thậm chí tiếp tục xu hướng giảm của năm 2024. Tuy nhiên, với lượng vốn giải ngân, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng quanh 26 tỷ USD cho năm 2025 khi lượng vốn lũy kế còn hiệu lực còn lớn.

Chi đầu tư công chạy nước rút các các tháng cuối năm.

Tổng thu Ngân sách nhà nước năm 2024 ước đạt 2,037.5 nghìn tỷ đồng, tăng 18.6% so với năm ngoái và đạt 119.8% kế hoạch. Đây là lần đầu tiên thu ngân sách vượt ngưỡng 2 triệu tỷ đồng mặc dù trong năm nhà nước đã thực hiện miễn, giảm gia hạn khoảng 197.3 nghìn tỷ đồng tiền thuế.

3 năm liên tiếp, nhà nước thực hiện chính sách giảm thuế VAT mỗi năm 2%, nhưng tỷ trọng đóng góp thuế VAT trong tổng thu NSNN những năm qua không giảm mà còn tăng lên, nhất là năm 2024. Điều này cho thấy, tiêu dùng trong nước đã khôi phục, đến từ nhiều yếu tố như: chính sách hoãn, giãn, miễn giảm thuế cho người dân và doanh nghiệp, “khoan thư sức dân” đã phát huy tác dụng. Bên cạnh đó, nguồn thu bền vững liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp tăng lên rất đáng kể.

Bên cạnh tăng nguồn thu, ngành thuế cũng tăng cường các hoạt động truy thu thuế nợ đọng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế và thất thu ngân sách.

Dù thu NSNN đạt kỷ lục nhưng tỷ lệ chi ngân sách vẫn tiềm ẩn nhiều bất cập. Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 1,830.8 nghìn tỷ đồng, tăng 5.7% so với năm trước nhưng chỉ đạt 86.4% kế hoạch. Trong đó, chi giải ngân đầu tư công chỉ đạt 78.1% kế hoạch đề ra và giảm 8.7% so với năm trước.

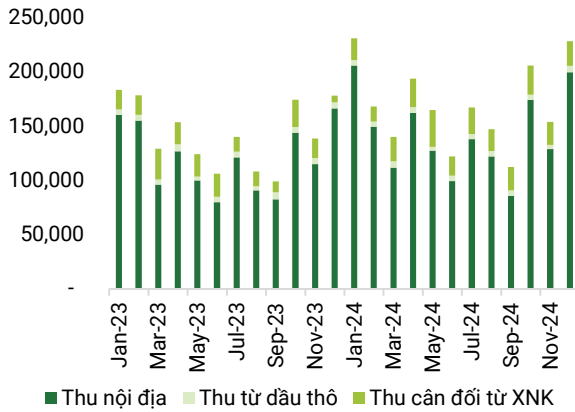
Bảng 10: Thu chi NSNN (tỷ đồng)

	2024	So với dự toán	Svck	Kế hoạch 2024
Tổng Thu NSNN	2,037,500	119.8%	18.6%	1,700,988
- Thu nội địa (không kể dầu thô)	1,706,400	118.1%	18.6%	1,444,413
- Thu từ dầu thô	58,600	127.4%	-6.7%	46,000
- Thu cân đối từ XNK	271,300	133.0%	27.4%	204,000
Tổng Chi NSNN	1,830,800	86.4%	5.7%	2,119,428

- Chi đầu tư phát triển	529,100	78.1%	-8.7%	677,349
- Chi trả nợ lãi	108,300	96.9%	20.2%	111,714
- Chi thường xuyên	1,190,700	101.3%	12.5%	1,175,720
Thặng dư/Bội chi NSNN	206,700			-418,440

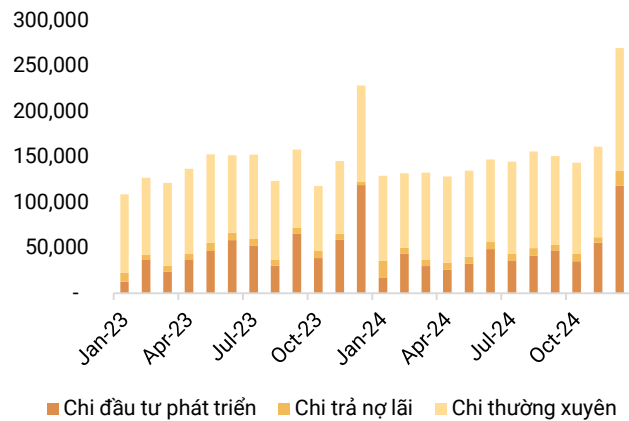
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 34: Thu Ngân sách nhà nước (tỷ đồng)



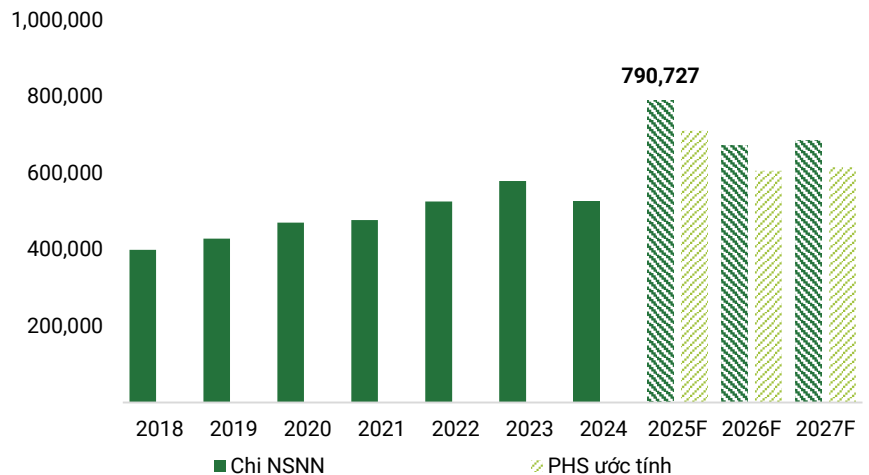
Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 35: Chi Ngân sách nhà nước (tỷ đồng)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Hình 36: Chi đầu tư công (tỷ đồng)



Nguồn: GSO, PHS tổng hợp

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng ở mức cao trong năm 2025, kế hoạch đầu tư công mà Quốc hội và Chính phủ đề ra trong năm 2025 cũng rất tham vọng, hơn 790 nghìn tỷ đồng. Đây sẽ là bước đột phá không chỉ cho kinh tế trong năm 2025 mà còn là tiền đề cho sự phát triển trong giai đoạn mới 2026-2030.

Một loạt các dự án thành phần thuộc cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2, cùng với các dự án lớn như Sân bay quốc tế Long Thành (Giai đoạn 1) và Đường vành đai 4, dự kiến sẽ sớm hoàn thành trong năm 2025, có khả năng giải phóng nguồn lực đáng kể ra nền kinh tế.

Đặc biệt, những kỳ vọng về dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam, với tổng vốn đầu tư 67 tỷ USD trong giai đoạn tới sẽ là bước đột phá, không chỉ rút ngắn khoảng cách Bắc - Nam mà còn thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ dọc hành lang kinh tế, hoàn thiện hạ tầng trung hạn, tạo nền tảng cho

tăng trưởng bền vững. Dự án này cũng cho thấy quyết tâm của Chính phủ Việt Nam cho một kỷ nguyên tăng trưởng mới.

Để dần tháo gỡ những khó khăn cho vấn đề đầu tư công, đặc biệt là những bất cập liên quan đến quy trình, thủ tục. PHS cho rằng việc tinh gọn bộ máy Chính phủ sẽ giúp các quy trình được đơn giản hóa và nguồn lực sẽ được huy động nhanh chóng hơn. Bên cạnh đó, đột phá thể chế và tinh gọn bộ máy cũng thúc đẩy niềm tin của người dân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài khi đầu tư vào thị trường Việt Nam.

Bảng 11: Các dự án đầu tư công trọng điểm quốc gia.

Dự án	Tiến độ	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Năm ước tính thực hiện	Năm hoàn thành
11 dự án thành phần của cao tốc Bắc - Nam (giai đoạn 1)	Cam Lộ - La Sơn	Đã hoàn thành	7,700	
	Cao Bồ - Mai Sơn	Đã hoàn thành	1,600	
	Cầu Mỹ Thuận 2	Đã hoàn thành	5,000	
	Mai Sơn - Quốc lộ 45	Đã hoàn thành	12,920	
	Vinh Hảo - Phan Thiết	Đã hoàn thành	10,853	
	Phan Thiết - Dầu Giây	Đã hoàn thành	14,360	
	Nha Trang - Cam Lâm	Đã hoàn thành	7,615	
	Nghi Sơn - Diễn Châu	Đã hoàn thành	8,380	
	Quốc lộ 45-Nghi Sơn	Đã hoàn thành	6,330	
	Diễn Châu - Bãi Vọt	Đang thực hiện	13,340	2022
	Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Đang thực hiện	13,690	2022
12 dự án thành phần của cao tốc Bắc - Nam (giai đoạn 2)	Bãi Vọt - Hàm Nghi	Đang thực hiện	7,643	2023
	Hàm Nghi - Vũng Áng	Đang thực hiện	9,734	2023
	Vũng Áng - Bùng	Đang thực hiện	12,547	2023
	Bùng - Vạn Ninh	Đang thực hiện	9,361	2023
	Vạn Ninh - Cam Lộ	Đang thực hiện	9,919	2023
	Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	Đang thực hiện	20,469	2023
	Hoài Nhơn - Quy Nhơn	Đang thực hiện	12,401	2023
	Quy Nhơn - Chí Thạnh	Đang thực hiện	14,802	2023
	Chí Thạnh - Văn Phong	Đang thực hiện	10,773	2023
	Văn Phong - Nha Trang	Đang thực hiện	11,808	2023
	Cần Thơ - Hậu Giang	Đang thực hiện	10,370	2023
	Hậu Giang - Cà Mau	Đang thực hiện	17,152	2023
Sân bay Quốc tế Long Thành (giai đoạn 1)	Đang thực hiện	109,112	2022	2026 (Thủ tướng độc thúc hoàn thành năm 2025)
Vành đai 3 (HCM)	Đang thực hiện	75,378	2023	2026
Vành đai 4 (Hà Nội)	Đang thực hiện	85,813	2023	2026(Thủ tướng độc thúc hoàn thành năm 2025)
Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Biên Hòa - Vũng Tàu, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Đang thực hiện	78,227	2023	2026

Nguồn: PHS tổng hợp

Chính phủ đang cho thấy những quyết tâm cao nhất của mình trong việc đẩy mạnh đầu tư công, đưa đầu tư công trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế trong những năm tới, lan tỏa tác động đến các ngành công nghiệp phụ trợ, xây dựng và dịch vụ, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng sống, tạo đà phát triển bền vững. Bức tranh ngân sách nhà nước và nợ công của Việt Nam hiện đang rất tích cực, yếu tố này sẽ tạo dư địa cho các cam kết đầu tư công của Chính phủ trong năm 2025 và những năm tới.

Chỉ báo kinh tế	2024	Kế hoạch 2024	Dự báo 2025 của PHS	Kế hoạch 2025
Tăng trưởng GDP (%YoY)	7.1%	6-6.5%	7.0%	6.5-7.0% Và phần đầu khoảng 7-7.5%
CPI bình quân	3.6%	4-4.5%	3.8%	~4.5%
Công nghiệp chế biến chế tạo/GDP		24.1-24.2%	24.1-24.2%	~24.1%
Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân		4.8-5.3%	5.3-5.4%	~5.3-5.4%
Tỷ lệ lao động qua đào tạo		Khoảng 69%	70%	~70%
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	2.5%	Dưới 4%	2.4%	<4%
Thu ngân sách nhà nước	+18.6%	Tăng trưởng 5%	+10.0%	15.6%
Bội chi ngân sách nhà nước/GDP	+3.4	Dưới -4%	-3.6%	-3.8%
Nợ công/GDP	36-37%	Dưới 60%	37%	36-37%
Nợ chính phủ/GDP	33-34%	Dưới 50%	35%	34-35%
Nợ nước ngoài quốc gia/GDP	32-33%	Dưới 50%	34%	33-34%
Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của chính phủ/ Tổng thu ngân sách	21-22%	Dưới 25%	23%	Khoảng 24%
Tăng trưởng tín dụng	15.1% (31/12)	Trên 15%	16%	16%
Giải ngân đầu tư công/ Kế hoạch	78.1%	95%	95%	
Lũy kế chiều dài đường cao tốc (kilometers)		3,000	3,000	3000
Kim ngạch Nhập khẩu (%YoY)	15.8%		10.0%	
Kim ngạch Xuất khẩu (%YoY)	14.3%		12.0%	
Sản xuất công nghiệp (%YoY)	8.4%		8.5%	
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (%YoY)	9.0%		9.5%	
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	25.4		26.0	

(Nguồn: PHS dự báo & tổng hợp)

 **Điều chỉnh giảm**
 **Điều chỉnh tăng**

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Bùi Thị Quỳnh Nga, Chuyên viên cao cấp phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060
Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận
3, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068
Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp.HCM.
Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401
Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phone: (+84-24) 6 250 9999
Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng
Phone: (+84-22) 384 1810
Fax: (+84-22) 384 1801